

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ TUY HÒA **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
TỈNH PHÚ YÊN

Bản án số: 23/2019/DSST

Ngày: 28/3/2019

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Xuân Thu;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Khắc Hiếu và bà Đào Thị Ngâm.

- Thư ký phiên Tòa: Bà Lê Diễm Anh Trúc – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa tham gia phiên tòa: Ông Trương Đức Cảnh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 106/2013/TLST - DS ngày 18 tháng 3 năm 2013 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2019/QĐXXST - DS ngày 19 tháng 02 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Hồ Thị Thanh S, sinh năm 1964; Trú tại: đường T, phường M, thành phố T, Phú Yên. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Bà Đặng Thị Thu H, sinh năm 1967; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ S, khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Phú Yên; chỗ ở hiện nay: đường L, phường B, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 18/02/2013 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Hồ Thị Thanh S trình bày được tóm tắt như sau: Yêu cầu bà Đặng Thị Thu H trả nợ số tiền của hợp đồng vay tài sản ngày 13/9/2011 là: Gốc 3.000.000đ (theo giấy nhận nợ vay tiền ngày 13/9/2011), và tiền lãi từ khi vay cho đến khi trả hết nợ theo quy định pháp luật.

Nguyên đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Thừa nhận bà H có trả cho bà S 2.000.000đ theo giấy nhận tiền ngày 21/6/2018 nhưng đề nghị trừ vào số tiền lãi.

* Bị đơn là bà Đặng Thị Thu H vắng mặt nên không có lời trình bày. Tuy nhiên, bà Đặng Thị Thu H có cung cấp cho Tòa án bản chính của giấy nhận tiền ngày 21/6/2018 với số tiền 2.000.000đ có chữ ký của bà Hồ Thị Thanh S.

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S có yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn Đặng Thị thu H được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt nên cần xét xử vắng mặt đương sự.

+ Về nội dung vụ án: căn cứ các điều 305, 471, 474, 476 Bộ luật dân sự (BLDS) 2005, Nghị quyết 01/2019 đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả tiền gốc cho nguyên đơn và tiền lãi theo mức lãi suất 1,125%/tháng kể từ ngày vi phạm cho đến khi thanh toán khoản nợ. Về án phí: buộc bị đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp về hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại thành phố Tuy Hòa nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa thụ lý thuộc thẩm quyền.

[2] Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Hồ Thị Thanh S có yêu cầu giải quyết vắng mặt vào biên bản giao nhận văn bản tố tụng của Tòa án, bị đơn bà Đặng Thị Thu H được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ các điều 227, 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[3] Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[4] Về nợ gốc: Cùng với việc khởi kiện, nguyên đơn cung cấp bản gốc giấy nhận nợ vay tiền lập ngày 13/9/2011, số tiền gốc là 3.000.000đ, lãi suất thỏa thuận 7%/tháng, thời hạn trả nợ là 10 tháng nên xác định đây là hợp đồng vay có kỳ hạn và có lãi. Bị đơn không đến Tòa án làm việc và không cung cấp tài liệu, chứng cứ bác bỏ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên có căn cứ xác định hợp đồng vay tài sản được lập theo giấy nhận nợ vay tiền ngày 13/9/2011 là có thật, khoản nợ gốc bị đơn đã vay của nguyên đơn là 3.000.000đ. Thời hạn trả nợ 10 tháng kể từ ngày vay 13/9/2011, tức vào ngày 13/7/2012 là đến hạn trả nợ nhưng bị đơn không trả là vi phạm nghĩa vụ trả tiền của bên vay quy định tại Điều 474, khoản 1 Điều 478 BLDS 2005. Ngày 21/6/2018, bị đơn trả cho

nguyên đơn 2.000.000đ nhưng không xác định rõ là trả gốc hay trả lãi nên HĐXX sẽ trừ 2.000.000đ vào nợ lãi tính đến ngày 21/6/2018, nếu còn thừa thì trừ tiếp vào nợ gốc. Cụ thể như sau:

[5] Về tiền lãi: Lãi suất của hợp đồng vay tài sản được các bên thỏa thuận 7%/tháng là trái quy định tại khoản 1 Điều 476 BLDS 2005, nên điều chỉnh lại mức lãi suất giới hạn bằng 150% lãi suất cơ bản (Theo Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của thống đốc Ngân hàng nhà nước) tương ứng mức lãi suất 13,5%/năm. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2, Điều 4 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao chấp nhận tính lãi như sau:

[6] + Tiền lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả từ ngày 13/9/2011 đến ngày 13/7/2012 là: $3.000.000đ \times 13,5\%/năm \times 10 \text{ tháng} = 337.500đ$.

[7] + Tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả từ ngày 14/7/2012 đến ngày 21/6/2018 là: $3.000.000đ \times 9\%/năm \times 05 \text{ năm } 11 \text{ tháng } 07 \text{ ngày} = 1.602.750đ$.

[8] Nợ lãi tính đến ngày 21/6/2018 là: $1.602.750đ + 337.500đ = 1.940.250đ$. Khoản tiền 2.000.000đ bị đơn trả cho nguyên đơn trừ vào nợ lãi còn thừa là: $2.000.000đ - 1.940.250đ = 59.750đ$. Số tiền 59.750đ được trừ vào nợ gốc nên kể từ ngày 21/6/2018, bị đơn chỉ còn nợ nguyên đơn số tiền gốc là: $3.000.000đ - 59.750đ = 2.940.250đ$.

[9] Tiền lãi trên nợ gốc 2.940.250đ quá hạn chưa trả từ ngày 21/6/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm 28/3/2019 là: $2.940.250đ \times 9\%/năm \times 09 \text{ tháng } 07 \text{ ngày} = 203.604đ$.

[10] Như vậy, tổng cộng tiền gốc và tiền lãi bị đơn phải trả cho nguyên đơn là: $2.940.250đ + 203.604đ = 3.143.854đ$.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 147, 227, 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 471, 474, 476, 478 của BLDS năm 2005, Điều 468 BLDS năm 2015.

Khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí của Ủy ban thường vụ Quốc hội số 10/2009/PL - UBTVQH12 ngày 27/02/2009.

Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Hồ Thị Thanh S, buộc bà Đặng Thị Thu H phải trả cho bà Hồ Thị Thanh S khoản tiền nợ của hợp đồng vay tài sản ngày 13/9/2011 là: Tiền gốc 2.940.250đ (hai triệu chín trăm bốn mươi nghìn hai trăm năm mươi đồng); tiền lãi 203.604đ (hai trăm lẻ ba nghìn sáu trăm lẻ bốn đồng). Tổng cộng: 3.143.854đ (ba triệu một trăm bốn mươi ba nghìn tám trăm năm mươi bốn đồng).

[2] Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (tức ngày 29/03/2019) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS năm 2015.

[3] Về án phí: Bà Đặng Thị Thu H phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Hồ Thị Thanh S số tiền 140.000đ (một trăm bốn mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án, lệ phí Tòa án số 10395 ngày 08 tháng 3 năm 2013 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa.

[4] Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[5] Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhân:

- VKSND thành phố Tuy Hòa
- TAND tỉnh Phú Yên
- Các đương sự
- Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Xuân Thu